

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Tiền Thị Thu H**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số 1A, đường A, khóm A1, phường A2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Phú Q**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số 1A, đường A, khóm A1, phường A2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Tiền Thị Thu H và ông Nguyễn Phú Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Tiền Thị Thu H và ông Nguyễn Phú Q đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng: Bà Tiền Thị Thu H và ông Nguyễn Phú Q

thống nhất thỏa thuận: Ông Nguyễn Phú Q đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q1 (nữ), sinh ngày 17/6/20XX hiện đang sống chung với bà H tại số 1A, đường A, khóm A1, phường A2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cho bà Tiền Thị Thu H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q1 đến đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Phú Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Phú Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tiền Thị Thu H và ông Nguyễn Phú Q đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tiền Thị Thu H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001632 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà H số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND phường A2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thanh Loan